**BÀI 24. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP**

**1. Ngành thủy sản**

***a. Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản***

***\* Thuận lợi***

**- Về tự nhiên**

+ Bờ biển dài 3260 km và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.

+ Nguồn lợi hải sản khá phong phú. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, 1647 loài giáp xác, hơn 2500 loài nhuyễn thể, hơn 600 loài rong biển; nhiều loại đặc sản như hải sâm, bào ngư, sò, điệp…

+ Có nhiều ngư trường, trong đó có 4 ngư trường trọng điểm: Hải Phòng - Quảng Ninh; Hoàng Sa - Trường Sa; Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa Vũng Tàu; Cà Mau - Kiên Giang.

+ Dọc bờ biển có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ.

+ Nước ta có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ, các ô trũng ở vùng đồng bằng có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt.

**- Về kinh tế - xã hội**

+ Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

+ Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn.

+ Các dịch vụ thuỷ sản phát triển và mở rộng chế biến thủy sản.

+ Thị trường tiêu thụ được mở rộng cả trong và ngoài nước.

+ Những đổi mới trong Chính sách của Nhà nước

***\* Khó khăn***

- Hàng năm có 9 - 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, 30 - 35 đợt gió mùa Đông Bắc.

- Tàu thuyền và phương tiện đánh bắt chậm đổi mới, do vậy năng suất lao động còn thấp.

- Hệ thống các cảng cá còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế.

- Ở một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thuỷ sản bị suy giảm.

***b. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản***

Ngành thủy sản có bước phát triển đột phá. Nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất và giá trị sản lượng thủy sản.

***\* Khai thác thủy sản***

- Sản lượng khai thác liên tục tăng.

- Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhưng nghề cá ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ có vai trò lớn hơn.

- Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng đánh bắt là Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

***\* Nuôi trồng thủy sản***

- Nghề nuôi tôm phát triển mạnh, kĩ thuật nuôi tôm được cải tiến. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nuôi tôm lớn nhất.

- Nghề nuôi cá nước ngọt cũng phát triển, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng; An Giang nổi tiếng về nuôi cá tra, cá basa trong lồng bè trên sông Tiền, sông Hậu.

**2. Lâm nghiệp**

***a. Lâm nghiệp ở nước ta có vai trò quan trọng về mặt kinh tế và sinh thái***

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, lại có rừng ngập mặn ven biển nên ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.

***c. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp***

- Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm: lâm sinh (trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng), khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.

- Về trồng rừng: có hơn 2,5 triệu ha rừng trồng (năm 2007), chủ yếu làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, rừng thông nhựa, rừng phòng hộ.

- Về khai thác, chế biến gỗ và lâm sản: mỗi năm nước ta khai thác khoảng 2,5 triệu m3 gỗ, khoảng 120 triệu cây tre luồng và gần 100 triệu cây nứa.

- Các sản phẩm gỗ quan trọng nhất là: gỗ tròn, gỗ xẻ, đồ gỗ, gỗ lạng và gỗ dán. Công nghiệp bột giấy và giấy đang được phát triển.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**Câu 1.** Ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì

 A. có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn. B. có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

 C. có nguồn tài nguyên thuỷ sản phong phú. D. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

**Câu 2.** Ngư trường nào sau đây **không** phảilà ngư trường trọng điểm ở nước ta?

 A. Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.

 B. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

 C. Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh.

 D. Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 3.** Hai tỉnh có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất ở nước ta hiện nay là

 A. Bến Tre và Tiền Giang. B. Ninh Thuận và Bình Thuận.

 C. An Giang và Đồng Tháp. D. Cà Mau và Bạc Liêu.

**Câu 4.** Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

 A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch. B. nhiều ngư trường trọng điểm.

 C. nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn. D. nhiều hải đảo có rạn san hô.

**Câu 5.** Nước ta có những thuận lợi về tự nhiên để nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

 A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch. B. nhiều ngư trường trọng điểm.

 C. nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn. D. nhiều hải đảo có rạn san hô.

**Câu 6.** Ý nghĩa sinh thái của rừng là

 A. nguồn sống của đồng bào dân tộc ít người.

 B. điều hòa khí hậu, bảo vệ động thực vật.

 C. bảo vệ hồ thủy điện và thủy lợi.

 D. cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp.

**Câu 7.** Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành thủy sản nước ta hiện nay?

 A. Phương tiện tàu thuyền ngư cụ còn lạc hậu, không được trang bị mới.

 B. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển.

 C. Chưa hình thành các cơ sở chế biến thủy sản

 D. Các mặt hàng thủy sản chưa được chấp nhận ở thị trường Hoa Kỳ.

**Câu 8.** Ngư trường Cà Mau – Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có

 A. bờ biển khúc khuỷa, hệ thống đảo ven bờ dày đặc.

 B. bờ biển khúc khuỷa, nhiều vũng vịnh, đầm phá.

 C. các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu.

 D. các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi triều.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60%?

 A. Tuyên Quang, Nghệ An, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

 B. Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum, Quảng Bình.

 C. Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.

 D. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không** đúng về biểu đồ sản lượng thủy sản của nước ta qua các năm?

 A. Tổng sản lượng thủy sản tăng qua các năm.

 B. Sản lượng thủy sản khai thác giảm.

 C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng.

 D. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng khai thác.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng **không** có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

 A. Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều. B. Rượu, bia, nước giải khát.

 C. Đường sữa, bánh kẹo. D. Sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 12.** Cho biểu đồ sau



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng.

 A. Từ năm 2000 đến năm 2015, điện tăng 425,1%.

 B. Từ năm 2000 đến năm 2015, điện tăng 525,1%.

 C. Từ năm 2000 đến năm 2015, dầu thô tăng 106,7%.

 D. Từ năm 2000 đến năm 2015, than tăng 359,5%.

**BÀI 25. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP**

(Học sinh tự đọc)

**BÀI 26. CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**1. Cơ cấu công nghiệp theo ngành**

- Cơ cấu công nghiệp theo ngành thể hiện ở tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành (nhóm ngành) trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng: gồm 3 nhóm với 29 ngành công nghiệp:

* Nhóm công nghiệp khai thác: 4 ngành.
* Nhóm công nghiệp chế biến: 23 ngành.
* Nhóm sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước: 2 ngành.

- Trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang nổi lên 1 số ngành công nghiệp trọng điểm:Là các ngành có thế mạnh lâu dài, mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, có tác động mạnh mẽ đến việc phát triển các ngành kinh tế khác, như công nghiệp năng lượng, chế biến lương thực - thực phẩm, dệt - may, hóa chất - phân bón - cao su, vật liệu xây dựng, cơ khí - điện tử…

- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệtnhằm thích nghi với tình hình mới để hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.

- Các hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp:

+ Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

+ Đẩy mạnh các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, đưa công nghiệp điện năng đi trước một bước.

+ Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

**2. Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ**

***a. Hoạt động công nghiệp tập trung chủ yếu ở một số khu vực***

***- Ở Bắc Bộ:***Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất trong cả nước. Từ Hà Nội hoạt động công nghiệp với chuyên môn hoá khác nhau lan toản theo nhiều hướng dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch:

+ Hướng Hải Phòng - Hạ Long - Cẩm Phả (cơ khí, khai thác than, vật liệu xây dựng).

+ Đáp Cầu - Bắc Giang (vật liệu xây dựng, phân hoá học).

+ Đông Anh - Thái Nguyên (cơ khí, luyện kim).

+ Việt Trì - Lâm Thao - Phú Thọ (hoá chất, giấy).

+ Hoà Bình - Sơn La (thuỷ điện).

+ Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hoá (dệt - may, điện, vật liệu xây dựng).

***- Ở Nam Bộ:*** hình thành một dải công nghiệp, trong đó nổi lên các trung tâm công nghiệp hàng đầu cả nước: Thành phố Hồ Chí Minh (lớn nhất cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp), Biên Hoà, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một. Hướng chuyên môn hóa rất đa dạng.

- ***Duyên Hải Miền Trung:*** có trung tâm công nghiệp quan trọng nhất là Đà Nẵng, ngoài ra còn có Vinh, Quy Nhơn, Nha Trang…

***- Ở những khu vực còn lại, nhất là vùng núi:***công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc.

***b. Những nhân tố tác động tới sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp:***

- Khu vực tập trung công nghiệp thường gắn liền với sự có mặt tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động có tay nghề, thị trường, kết cấu hạ tầng và vị trí địa lý thuận lợi.

- Ở trung du - miền núi: còn nhiều hạn chế trong phát triển công nghiệp là do sự thiếu đồng bộ của các nhân tố trên, đặc biệt là giao thông vận tải.

Đông Nam Bộ (vùng dẫn đầu với tỉ trọng chiếm hơn 1/2 tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước), tiếp theo là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. 3 vùng này chiếm khoảng 80% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.

**3. Cơ cấu công nghiệp** **theo thành phần kinh tế**

**-** Nhờ kết quả của công cuộc Đổi mới, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế có những thay đổi sâu sắc.

- Xu hướng chung: giảm mạnh tỷ trọng khu vực Nhà nước, tăng tỷ trọng khu vực ngoài Nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**Câu 1.** Đây **không** phải là một đặc điểm quan trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay

 A. có thế mạnh lâu dài để phát triển.

 B. đem lại hiệu quả kinh tế cao.

 C. có tác động đến sự phát triển các ngành khác.

 D. chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm.

**Câu 2.** Theo cách phân loại hiện hành, cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta có

 A. 2 nhóm với 28 ngành. B. 3 nhóm với 29 ngành.

 C. 4 nhóm với 30 ngành. D. 5 nhóm với 31 ngành.

**Câu 3.** Ý nào sau đây **không** đúng với nhóm ngành theo phân loại hiện hành ở nước ta?

 A. Nhóm công nghiệp chế tạo máy.

 B. Nhóm công nghiệp khai thác.

 C. Nhóm công nghiệp chế biến.

 D. Nhóm sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

**Câu 4.** Ngành công nghiệp nào dưới đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

 A. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

 B. Công nghiệp cơ khí – điện tử.

 C. Công nghiệp vật liệu xây dựng.

 D. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

**Câu 5.** Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

 A. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

 B. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.

 C. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

 D. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 6.** Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm khoảng 80% sản lượng của cả nước là

 A. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

 B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.

 C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

 D. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 7.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

 A. Tương đối đa dạng.

 B. Đang nổi lên một số ngành công nghiệp trọng điểm.

 C. Ổn định về tỉ trọng giữa các ngành.

 D. Đang có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm thích nghi với tình hình mới.

**Câu 8.** Cơ cấu ngành công nghiệp (theo 3 nhóm) ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 A. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.

 B. tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.

 C. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.

 D. giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và tăng tỉ trọng của các nhóm ngành khác.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quy mô lớn?

 A. Hải Phòng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

 B. Hải Phòng, Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

 C. Hải Phòng, Nha Trang, Hải Dương, Đà Nẵng.

 D. Hải Phòng, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Biên Hòa.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

 A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. B. Hải Phòng, Vũng Tàu.

 C. Hà Nội, Hải Phòng. D. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào **không** đúng về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước phân theo nhóm ngành?

 A. Tỉ trọng công nghiệp khai thác giảm và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

 B. Tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

 C. Tỉ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có xu hướng giảm.

 D. Tỉ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.

**Câu 12.** Cho biểu đồ



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 A. Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

 B. Cơ cấu sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

 C. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

 D. Quy mô và cơ cấu một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.